

Số: 296 /NMĐSH1-KTATMT

Hậu Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2025

V/v cung cấp báo giá hàng hóa cho gói thầu
GT2025-85 – mua sắm “CCDC BDSC (Điện-C&I)”

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm hàng hóa cho gói thầu GT2025-85 – “CCDC BDSC (Điện-C&I)”. NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc:
 - Danh mục hàng hóa: như Phụ lục Đính kèm;
 - Hàng hóa mới 100%, bảo hành tối thiểu 12 tháng, sản xuất từ năm 2024 trở lại đây;
 - Các vật tư/thiết bị nhà thầu chào phải có tài liệu của nhà sản xuất, CO và CQ hoặc các tài liệu có giá trị tương đương cung cấp bởi nhà sản xuất/Cơ quan có thẩm quyền;
 - Nhà thầu báo giá dựa trên xuất xứ của phụ lục: “Danh mục hàng hóa”, trong trường hợp vật tư/thiết bị có nguồn gốc xuất xứ khác thì phải có xác nhận của nhà sản xuất.
2. Tiến độ cung cấp: Nhà thầu đề xuất tiến độ tốt nhất để Nhà máy xem xét.
3. Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Thị trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.
4. Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 15h00 ngày 07/03/2025.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.
7. Thông tin liên hệ:
8. Người nhận: Phòng KTATMT - NMNĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Email: haipdm@pvpqb.vn; khoitm@pvpqb.vn; hanhhx@pvpqb.vn; giangtth@pvpqb.vn;
ha.vn999@gmail.com;

NMNĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Nhà máy (để b/c);
- Phòng: TM, KHTC;
- Lưu VT, KTATMT (VNH).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1**



Nguyễn Anh Tuấn



Phụ lục: Danh mục hàng hóa(Đính kèm công văn số: ...296.../NMĐSH1-KTATMT, ngày...25.../02/2025)

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Bàn phím máy tính chân tròn PS2	KT800PS2 - Bàn phím máy tính tiêu chuẩn 104 phím bấm, giao tiếp chân tròn PS2 (MD6, 6 chân kim). Dùng cho máy tính bàn, máy tính đồng bộ DELL, HP, Lenovo....máy tính công nghiệp, thiết bị điện tử giao tiếp chân PS2. - Phím có độ nảy tốt, gõ nhanh & dễ dàng sử dụng. - Phím ENTER hình chữ L, gõ nhanh.	Keytronic/Asia	pc	1	
2	Bộ Kích Bình Ô Tô Tải 12V-24V	Nguồn điện ra: 12V/24V. Dung lượng pin: 358000mah. Dòng điện kích: 3000A. Dòng điện sạc: 1 ~ 5A. Kích thước: 28x20x7 cm. Nhiệt độ làm việc: -50°C ~ 60°C. Nguồn điện ra: USB 5V/2A 2 cổng. Công nghệ pin: Lithium cao cấp. Chất liệu: Nhựa ABS siêu bền. Kích nỏ: Hầu hết các dòng xe hiện nay từ bình 12V và 24V. Sản phẩm gồm: Thân máy, dây kích, nguồn sạc điện, bao đựng.	Asia	Bộ	1	
3	Bộ que đo cho VOM	TLK-225 Part Number: 2097031 Set includes: - TL224 Test Lead Set - TP175 TwistGuard™ Test Probes - AC285 SureGrip™ Alligator Clips - AC220 SureGrip™ Alligator Clips - AC280 SureGrip™ Hook Clips - AC283 SureGrip™ Pincer Clips - A convenient six-pocket roll up pouch - CAT III 1000 V, CAT IV 600 V safety rating	Fluke/EU/G7/OECD	Bộ	4	



4	Bộ Tiếp Địa 3 Pha Di Động 500kV	Bộ Tiếp Địa 3 Pha Di Động 500kV - Vật liệu sào: Sợi thủy tinh - Chiều dài sào: 3 sào x 6 mét - Cọc tiếp địa dài: 1500mm - Tiêu chuẩn: TCVN 5587 - 1991 - Tiết diện dây : 50mm ² - Chiều dài dây: 3 dây x 13 mét - Ngàm kẹp đến: 50mm - Điện áp sử dụng: 500kV - Tần số hoạt động: 50/60Hz - Phụ kiện kèm theo: Túi đựng sào + cọc + dây	OECD/EU/G7	Bộ	1	
5	Đầu mỏ hàn	Đầu mỏ hàn Atten T900-B Chiều dài tổng thể 43 mm Đường kính trong 4.0 mm Đường kính ngoài 6.3 mm	Atten/Asia	Cái	1	
6	Bộ tô vít cách điện 1000V 8 chi tiết	Model: 117.0550 Số lượng: 8 chi tiết + 03 Tô vít 4 cạnh PH cán cách điện (+): PH0 - PH1 - PH2 + 04 Tô vít 2 cạnh cán cách điện (-): 2,5 - 4,0 - 5,5 - 6,5 mm + 01 bút thử điện (-) 3mm - Cán được bọc cách điện nhựa tổng hợp 2 thanh phần, nhận diện màu vàng đỏ - Test cách điện theo tiêu chuẩn: IEC 60900 - Đạt tiêu chuẩn: DIN 5264 / 7437 / 7438 / 8764	KS Tools/ EU/G7/ OECD	Bộ	4	
7	Đồng hồ VOM	FLUKE-87V-MAX/E2 KIT DCV : 1000V / $\pm(0.05\%+1)/10 \mu V$ + ACV : 1000V / $\pm(0.7\%+2)/0.1 mV$ + DCA : 10A / $\pm(0.2\%+2)/ 0.01 \mu A$ + ACA : 10A / $\pm(1.0\%+2)/ 0.1 \mu A$ + Ω : 50 M Ω / $\pm(0.2\%+1)/0.1\Omega$ + C : 9,999 μF / $\pm(1\%+2)/0.01 nF$ + F : 200 kHz / $\pm(0.005\%+1)/0.01 Hz$ + Duty Cycle : 99.9% / $\pm 0.2\%$ / 0.1% + Nhiệt độ : -200.0°C - 1090°C + Tính dẫn điện : 60nS / $\pm(1.0\%+10)/ 0.01nS$ Kiểm tra diode, liên tục Hiển thị số	Fluke/EU/G7/ OECD	Bộ	1	
8	Hộp cứng bảo vệ VOM	C11XT Kích thước (DxRxC): 240 x 155 x 105 mm (9,4 x 6,1 x 4,1 inch) Vật liệu: Xốp EVA Ngăn đựng đồ: Một túi có khóa kéo và một túi lưới	Fluke/Asia/EU/ G7	Cái	12	



9	Bộ tua vít cách điện đa năng 18 chi tiết	41231 - Bộ vít bao gồm: - 1 x tuốc nơ vít có đầu giữ mũi SoftFinish® điện slimVario Stubby cho slimBits 6,0 mm - 1 x tuốc nơ vít có đầu giữ mũi vít SoftFinish® điện slimVario cho slimBits 6,0 mm - 1 x khe cắm điện bit slimBit 2,5 mm x 75 mm - 1 x khe điện bit slimBit 3,5 mm x 75 mm - 1 x khe điện bit slimBit 5,5 mm x 75 mm - 1 x bit slimBit điện Phillips PH1 x 75 mm - 1 x bit slimBit điện Phillips PH2 x 75 mm - 1 x bit slimBit điện Pozidriv PZ1 x 75 mm - 1 x bit slimBit điện Pozidriv PZ2 x 75 mm - 1 x bit slimBit điện PlusMinus/Pozidriv SL/PZ1 x 75 mm - 1 x bit slimBit điện PlusMinus/Pozidriv SL/PZ2 x 75 mm - 1 x bit slimBit điện TORX® T9 x 75 mm - 1 x bit slimBit điện TORX® T10 x 75 mm - 1 x bit slimBit điện TORX® T15 x 75 mm - 1 x bit slimBit điện TORX® T20 x 75 mm - 1 x lục giác điện bit slimBit 3,0 mm x 75 mm - 1 x lục giác điện bit slimBit 4,0 mm x 75 mm - 1 x lục giác điện bit slimBit 5,0 mm x 75 mm - 1 x túi gấp	Wiha/OECD	Bộ	2	
10	Bộ tua vít điện tử	436875 (PB 8220) Bộ bao gồm: 4 Đầu vít dẹt (mm) 1,8, 2, 2,5, 3 1 Đầu vít 4 cạnh PH 0 1 2 2 Đầu vít sao T10, T15 1 Đầu vít lục giác (mm) 5	PB Swiss Tools/OECD	Bộ	5	



11	Bút (còi) thử điện cao áp	Model: Salisbury 4644 - Mức dò điện áp: 240V / 4.2kV/15kV/25kV/35kV/69kV/115kV/500kV - Sử dụng 3 pin C - Kích thước: 280x89 mm - Thiết bị báo động bằng âm thanh và hình ảnh.	Salisbury/OECD	Cái	2	
12	Bút thử điện không tiếp xúc	LVD-18 Dò điện áp tiếp xúc trực tiếp: 50V~600Vac Dò điện áp không tiếp xúc: 50V~600Vac Tần số: 50~500Hz Phân loại đo: CAT III 600V Chi thị: LED và Tone Độ ẩm : < 80% R.H. Độ cao : max 2000m Nguồn: 1.5V (AAA) × 2 Kích thước: 165 (L) x 27 (W) x 22 (D) mm	SEW/Asia/OECD/ EU/G7	Cái	8	
13	Bút thử điện trung thế/ hạ áp	HSS-25B1 Dải điện áp: AC80 - 25000V Điện áp vận hành ban đầu (Điện áp tiếp đất): Điện áp thấp: Dây trần: AC 80V trở xuống Điện áp cao: Dây trần (φ3mm): AC 250V ± 50V Dây OC (φ 5mm): AC 1000V ± 200V Tần số: 50 / 60Hz	HASEGAWA/OECD/EU/G7	Bộ	2	
14	Cáp lập trình bộ đàm	PMKN4010B - Bao gồm cáp và phần mềm. - 01 đầu USB để kết nối vào máy tính. - 01 đầu để kết nối vào máy bộ đàm XiR M86xxi	Motorola/Asia/EU/G7	Bộ	1	
15	Đầu đo độ rung cho máy Easy-Laser® E540	12-0654 Phạm vi đo: 0-50 mm/s [0-2 inch/s] RMS0 Độ phân giải: 1 mm/s [0.005 inch/s] Dải tần số: Cấp độ tổng cộng: 2-3200 Hz (Lp), 10-3200 Hz (Hp) Tình trạng chịu tải: 3200-20000 Hz Độ nhạy: 100 mV/g < 10% Kích thước: Nam châm: L=20mm [4/5"],=15mm [19/32"] Đầu đo: L=65mm [2 1/2"]	Easy-Laser/OECD/ EU/G7	Set	1	

15	Đèn LED hắt công suất cao	M18 HOAL - Độ sáng tối đa: 3000/ 1500/ 650 lumen - Thời gian sử dụng tối đa: 2/ 4/ 9 giờ (Với pin B5) - Có chân đứng: 3 lỗ khóa - Khả năng xoay đầu: 240 độ - Các chế độ chiếu sáng: Cao/ Trung bình/ Thấp - Tiêu chuẩn an toàn: N/A - Chân đế pin: M18™ REDLITHIUM™-ION - Điện áp: 18V	Milwaukee/ EU/G7/OECD	Bộ	2	
17	Đèn Pha Led	BVP151 LED120/CW 100W SWB G2 GM - Điện áp: 220-240V. - Công suất: 100W. - Hệ số công suất: PF>0.9. - Quang thông: 12.000 lumen. - Hiệu suất: 120lm/w. - Nhiệt độ màu: 6500K / 4000K / 3000K. - Chỉ số màu: CRI > 80. - Kích thước: L244*W185*H34.5 mm. - Tuổi thọ: 50.000h. - Chỉ số IP: IP65. - Chỉ số IK: IK08.	Philips/Asia/ OECD	Cái	15	
18	Đèn pin	Sofirn SP40 Thông số kỹ thuật đèn pin Sofirn SP40 * Bóng đèn LED : CREE XP-L * Pin: Sử dụng một pin Li-ion 18650 * Điện áp: 2,8V – 4,2V * Kích thước: 108mm (chiều dài) × 25mm * Trọng lượng: 63 ± 1 gram (chưa bao gồm pin) * Chống nước: IPX7 (chống thấm nước ở độ sâu tối đa 1m trong 30 phút) * Tính năng bảo vệ pin : Có * Bộ nhớ chế độ: Có * Nam châm : Có * Các mức sáng: Thấp: 5 Lumens, Trung bình : 90Lumens, Cao : 450 Lumens, Turbo : 1200Lumens	Sofirn/Asia/ OECD	Cái	19	



19	Đèn pin lặn biển	Sofirn SD05 - Bóng đèn led : Cree XHP50.2 (Ánh sáng trắng ấm – 5000K) - Chống thấm nước: Tiêu chuẩn IPX8, chịu ngập ở độ sâu 100 mét - Chất liệu vỏ: Hợp kim nhôm hàng không 6061 anodized - Nguồn điện: Sử dụng 1 pin sạc thể hệ mới nhất hiện nay, loại 21700 dung lượng 4000mAh - Điện áp làm việc: 3 – 4,5V - Trọng lượng tịnh: 120g (Không bao gồm pin) - Kích thước: 119mm (chiều dài) × 37,5mm (đầu) - Một bộ sản phẩm bao gồm được bán tại Shop Đèn Pin Chuyên Dụng bao gồm : 1 đèn + 1 pin sạc chính hãng 4000mAh + 1 bộ sạc pin USB hoặc DC 220V + dây đeo	Sofirn/Asia/OECD	Bộ	2	
20	Đèn pin sạc siêu sáng đa năng 120W	TD-9855 - Trọng lượng tạm tính: 3Kg - Loại bóng: LED T6 - Màu sáng: Sáng trắng - Công suất: 120W - Khả năng chiếu xa: 1000m (đktc) - Chế độ sạc: Sạc trực tiếp trên thân đèn - Nguồn: 4V 8000mAh - Thời gian chiếu sáng: 8- 12 giờ (đktc) - Thời gian sạc: 8 đến 10 tiếng	Sankara/Asia/OECD	Cái	2	
21	Lead Set with Connectors (for Hart 475)	TREX-0004-0001 Lead Set with connectors Form/Fit/Function alternative to 00375-0004-0001 Compatible with the TREX/475/375 platforms	Emerson/EU/G7/OECD	Bộ	1	
22	Máy hàn chì dùng pin	M12 SI Gồm Máy + 1Pin 4A + Sạc Công nghệ pin Li-Ion - Hiệu thế pin 12 V - Khả năng xoay góc: 0, 45 và 90 độ - Tốc độ làm nóng đầu hàn: 20-30 giây - Nhiệt độ đầu hàn: 400 độ C - Công suất tương đương: 90W - Có đèn led chiếu sáng - Trọng lượng: 0.5kg	Milwaukee/EU/G7/OECD	Bộ	1	



23	Precision Acoustic Imager	Fluke II910 - Sensor: + Frequency Band 2 kHz to 100 kHz + Nominal Frame Rate 25 fps + Detection Range 0.5 to 120 m (1.64 to 393.7 ft) - Built-in Digital Camera (visible light): + Field of View $63^{\circ} \pm 5^{\circ}$ + Focus Fixed lens - Display: + Size 22.86 cm (7 in) LCD with backlight, under-sunlight readable + Resolution 1280×800 (1,024,000 pixels) + Touchscreen Capacitive + Acoustic Image Yes, SoundMap™ image. - Acoustic Measurements: + Measurement Range: 12.1 dB SPL to 114.6 dB SPL ± 1 dB SPL 2 kHz 4.4 dB SPL to 101.2 dB SPL ± 2 dB SPL 19 kHz 12.8 dB SPL to 119.2 dB SPL ± 1 dB SPL 35 kHz 19.8 dB SPL to 116.1 dB SPL ± 3 dB SPL 52 kHz 41.4 dB SPL to 129.0 dB SPL ± 1 dB SPL 80 kHz 54.4 dB SPL to 135.5 dB SPL ± 1 dB SPL 100 kHz + Auto Max/Min dB Gain Auto or manual, user selectable + Frequency Band: Selection User selectable through user-made pre-sets or manual entry - General Specifications: + Battery Life 6 hours/battery (product includes spare battery) + Main Unit Rating IP40 protection against particles 1 mm or greater + General Safety IEC 61010-1 - Included Accessories: AC Power Supply, Battery Pack Charger, Two Lithium-ion Smart Battery Packs, USB Cable, Rugged, Hard Carrying Case, Two Rubber, Array Covers, Adjustable Hand, and Neck Strap	Fluke/ EU/G7/OECD	Bộ	1	
----	---------------------------	---	----------------------	----	---	--



24	Lever Action Crimping Pliers with changer magazine (Kim Bấm Cos Thay Ngàm)	Knipex 97 33 02 Handles: with multi-component grips Weight: 870 g Dimensions: 250 x 75 x 28 mm REACH compliant: contains SVHC RoHS compliant: not applicable Application: non-insulated open plug type connectors (plug width 4.8 + 6.3 mm) Capacity in square millimetres: 0.5 — 6.0 mm ² Number of crimp profiles: 5 AWG: 20 — 10	Knipex/ EU/G7/OECD	Cái	2	
25	SWA Cable Cutter (Kim cắt cáp bánh cóc cho cáp bọc thép)	Knipex Article No. 95 36 315 A EAN: 4003773078579 Pliers: black lacquered Handles: insulated with multi-component grips, VDE-tested Dimensions: 315 x 140 x 30 mm Standard: IEC 60900 DIN EN 60900 Reach: yes RohS: no Cutting capacity copper cable, multiple-stranded: 380 mm ² Cutting capacity copper cable, multiple-stranded: Ø 45 mm MCM: 750	Knipex/ EU/G7/OECD	Cái	1	
26	Máy đo khoảng cách Laser	GLM100 Đi-ốt laser: 635 nm, < 1 mW Phạm vi đo: 0,05 - 100 m Loại có laser: 2 Độ chính xác: ± 1.5 mm Thời gian đo thông thường: < 0.5 s Thời gian đo tối đa: 4 s Nguồn cấp điện: 2x1.5V LR03 (AAA) Ngắt kích hoạt tự động: 5 Phút Trọng lượng, xấp xỉ: 0.14 Kg Kích thước: 115x53x32 mm Đơn vị đo: m Phụ kiện kèm theo: Túi bảo vệ, 2x1.5V LR03 (AAA)	Bosch/ EU/G7/OECD	Bộ	1	



27	Máy đo tốc độ vòng quay	931 Phạm vi đo : Đo quang học (không tiếp xúc): 1 đến 99999 vòng/phút Đo tiếp xúc : 1 đến 19999 vòng/phút Độ chính xác : $\pm 0,02\%RD+1$ Khoảng cách cảm ứng : (quang học) 500 mm Nguồn : Pin AA (2) 1,5V LR6 (kiềm) Thời lượng pin : Khoảng 40 giờ Nhiệt độ hoạt động : 0°C đến 50°C Trọng lượng : 250 g Kích thước : 175 × 60 × 28 mm	Fluke/ EU/G7/OECD	Bộ	1	
28	Máy hiện sóng	Model iDSO1070A Bandwidth 70MHz Channel 2 CH Real-time Sampling Rate 250MSa/s (singal channel) , 125MSa/s (two channels) Sampling Mode Sampling, Vmax, Vrms Average Sampling Average waveform, times: 4, 8, 16, 32, 64, 128 Memory Depth 6K Rise time $\leq 5ns$ Time Base Precision $\pm 50ppm$ Time Base Range 45s/div-500s/div (1-2-4 sequences) Input Coupling DC, AC, GND Input Impedance Resistance: 1MΩ; Capacitance: 25pF Probe Attenuation Coefficient Setting 1$\times$, 10$\times$, 100$\times$, 1000 Max Input Voltage 35Vpk (DC+peak) Waveform Interpolation Step, Linear, Sin(x)/x Input Sensitivity 10mV/div ~ 5V/div Vertical Resolution 8Bit Vertical Displacement Range 10mV ~ 5V/div @ x1 probe; 100mV ~ 50V/div @ x10 probe; 1V ~ 500V/div @ x100 probe; 10V ~ 5KV/div @ x1000 probe Position Range ± 4division	Hantek/EU/G7/ OECD	Bộ	1	



29	Máy hút bụi mini	BGL72294 – Kích thước: 275 x 320 x 480 mm – Công suất: 2200W – Cường độ: 16A – Hiệu điện thế: 220-240V – Tần số: 50/60Hz – Bán kính hoạt động: 12 m – Cân nặng: 7.7 kg	BOSCH / EU/G7/OECD	Bộ	1	
30	Máy hút bụi mini cầm tay	Máy hút bụi Bosch GAS 18V-1 - Điện áp pin: 18.0 V - Trọng lượng không bao gồm pin: 1,3 kg - Thể tích thùng chứa: 0,7 l - Vùng bề mặt bộ lọc: 55 cm ² - Mức lưu lượng khí tối đa (tua-bin): 10 l/s - Áp lực chân không tối đa (tua-bin): 60 mbar - Thời gian hoạt động 18V: 7 phút/Ah	Bosch/EU/G7/ OECD	Bộ	1	
31	Que đo điện	Model Fluke TL-75 Gồm que đo và que đen Chiều dài : 1.22m CAT II 1000 V, , 10 A rating CAT IV 600 V, CAT III 1000 V only with protective cap	Fluke/EU/G7/ OECD	Bộ	2	
32	Máy in nhãn	PT-E550WVP - Display type: 16 characters x 3-line backlit graphical LCD with print preview - Interfaces: USB, Wi-Fi and Wireless Direct - Print speed: 30mm per second (AC Power adapter) 20mm per second (battery) - Maximum tape width: 24mm - Maximum print height: 18mm - Cutter type: Automatic (full and half cut) - Powered by: BA-E001 Rechargeable Li-ion battery (included) 6 pcs of AA Alkaline / Rechargeable batteries (LR6/HR6 - not included) - Labelling: + Black on yellow TZe-S621, 9mm + Black on white TZe-Fx221, 9mm + Black on yellow TZe-Fx611, 6mm	Brother/EU/G7/ OECD	Bộ	1	



33	Máy in ống gen LM-550E	LM-550E - Phương pháp in: Truyền tải bằng nhiệt (300dpi) - Màn hình: LCD ma trận : 64 x 160 pixel, đèn nền - Tốc độ in: 27.5mm/s (chuẩn) 10mm/s (chế độ in nhiệt độ thấp) - Độ dài in tối đa: Ống 20m, Băng 5m - Tối đa ký tự nhập: 1,225 ký tự - Nguồn cung cấp: 12 VDC, 3,3mA - Kích thước (WxDxH): 275 x 300 x 91 mm	Max/ EU/G7/OECD	Bộ	1	
34	Máy thổi bụi bằng pin	M18 BBL Điện thế pin 18V Lưu lượng khí (m ³ /p) 2.9 Tốc độ khí (km/h) 42.8 Mức rung (m / s ²) 3 Cường độ âm thanh (db) 77.7 Chiều dài không gồm ống thổi (mm) 375 Tốc độ quạt (vòng / phút) 0 – 18.700 Mức công suất âm thanh (dB (A)) 89,6 Mức áp suất âm thanh (dB (A)) 77,7 Bao gồm: Pin Lithium-ION (4.0 Ah) + Bộ sạc	Milwaukee/ EU/G7/OECD	Cái	8	
35	Ổ cứng di động SSD USB 3.2 Gen 2 2TB	XS1000 - Kích thước: 69.54 x 32.58 x 13.5 mm - Trọng lượng: 28.7 g - Thông số khác: + Loại ổ cứng: SSD + Dung lượng ổ cứng: 2TB + Kết nối: USB 3.2 Gen 2 + Tốc độ đọc: 1000 - 3000 MB/s + Tốc độ đọc: 1050 MB/s + Tốc độ ghi: 1000 MB/s - Hỗ trợ hệ điều hành: Windows® 11, 10, macOS (v.10.15.x +), Linux (v. 4.4.x +), Chrome OS™	Kingston/Asia/ EU/ G7/OECD	Cái	2	



36	Ổ đĩa DVD gắn ngoài	SDRW-08D2S- U Lite Tốc độ đọc: DVD + R: 8X, DVD-R: 8X, DVD + RW: 8X, DVD-RW: 8X, DVD-ROM: 8X , DVD + R (DL): 8X, DVD-R (DL): 8X ,DVD-ROM (DL): 8X, DVD-RAM: 5x , CD-R: 24X, CD-RW: 24X ,CD-ROM: 24X, DVD Video Playback: 4X, VCD Phát lại: 10X Tốc độ ghi: DVD + R: 8X, DVD-R: 8X, DVD + RW: 8X, DVD-RW: 6X, DVD + R (DL): 6X, DVD-R (DL): 6X, DVD-RAM: 5x, CD-R: 24X, CD-RW: 16X Chuẩn cắm: USB 2.0 Dùng cho: PC/ laptop Kích thước: 157 x 142 x 21 cm (DxRx C)	ASUS/Asia/EU /G7/OECD	Cái	1	
37	Ổng nghe điện tử ELS 12, tần số 100 Hz – 10 kHz	ELS 12 Thang nhiệt độ: -10° to +55° C (14° to 131° F) Thang tần số: 100 Hz – 10 kHz Vỏ bằng nhựa ABS. Cấp bảo vệ IP55. Trọng lượng máy: 240 g Sử dụng pin 9V, thời gian sử dụng 30 giờ ở chế độ mặc định. Cảm biến đo: 1 x 290 mm; 1 x 70 mm (long) Kích thước: 206 x 50 x 32 mm.	BETEX/Asia/ EU/G7/OECD	Bộ	2	
38	Pressure Adapters and Fittings	ADT102 1/4NPT male to various connectors (25 pcs, case included)	Additel/EU/G7/ OECD	Bộ	1	
39	Súng đo nhiệt độ hồng ngoại	Fluke 62Max+ Phạm vi nhiệt độ hồng ngoại: -30 ° C đến 650 ° C Chính xác: $\geq 0^{\circ} \text{C}$: $\pm 1^{\circ} \text{C}$ hoặc $\pm 1\%$ Độ phân giải hiển thị: $0,1^{\circ} \text{C}$ / $0,1^{\circ} \text{F}$ Khoảng cách: điểm: 12:1 Kích thước nguồn nhiệt tối thiểu: 12:1 Kích thước nguồn nhiệt tối thiểu: 19 mm Thời gian đáp ứng (95%): <500 ms Phát xạ: 0,10-1,00 Tia laser đánh dấu điểm đo: 2 tia	Fluke/EU/G7/ OECD	Cái	3	
40	Ổ cứng di động 4TB	Loại: Ổ cứng di động gắn ngoài StoreJet 25H3 2.5 4TB TS4TSJ25H3P Dung lượng: 4 TB Kích thước: 131.8 × 80.8 × 24.5 mm Tốc độ đọc: USB 3.0 5 Gbps	Transcend/Asia / EU/G7/OECD	Cái	3	